TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/DS-PT
Ngày 11-4-2023
V/v yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956; địa chỉ: số 262, đường CMT8, tổ 74, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố 2, phường Mỹ P, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 13/8/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bảo Qu– Luật sư của Công ty Luật TNHH Lê Phan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số 249/1, đường TQĐ, phường Chánh Nghĩa, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1944; địa chỉ: số 258/1, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: số 244/16, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1952; địa chỉ: số 256, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Vương Văn Tr, sinh năm 1960; địa chỉ: số 258/4, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: số 258/6, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Vương Văn L, sinh năm 1954; địa chỉ: số 258/2, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1975; địa chỉ: số 258, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1979; địa chỉ: số 52/1, đường Huỳnh Văn Ngh, khu 5, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 17/12/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1969;

2. Anh Trần Anh H, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: số 258/1, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Võ Thị S, sinh năm 1955;

4. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1980;

5. Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: số 256, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1957; địa chỉ: số 262, đường CMT8, tổ 74, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1977;

8. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: số 262, đường CMT8, tổ 74, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

9. Bà Trần Thị Thúy Ng, sinh năm 1959;

10. Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1984;

11. Ông Nguyễn Minh Tr1, sinh năm 1987;

12. Ông Nguyễn Trần Tr2, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: số 244/16, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

13. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1968;

14. Ông Vương Quang L1, sinh năm 1987;

15. Ông Vương Quang L2, sinh năm 1989;

16. Chị Vương Thị Ngọc D, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: số 258/4, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương

17. Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1986;

18. Ông Trần Quốc T5, sinh năm 1987;

19. Chị Trần Thị Thu T6, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: số 258/6, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

20. Ông Vương Trường Th1, sinh năm 1981;

21. Anh Vương Trường N, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: số 258/2, đường CMT8, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương

22. Ông Võ Văn X1, sinh năm 1947; địa chỉ: phường Chánh Mỹ, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Xe: Ông Võ Huy C, sinh năm 1973; địa chỉ: khu 5, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021).

23. Ông Võ Huy C, sinh năm 1973; địa chỉ: số 69, đường Huỳnh Văn Cù, tổ 45, khu 5, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương;

24. Ủy ban nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số 01, đường Quang Trung, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: số 232/6, tổ 73, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị TN, sinh năm 1965; địa chỉ: số 232/2/3, tổ 73, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Tất Th, sinh năm 1947; địa chỉ: số 246, tổ 73, khu 11, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Công T6; địa chỉ: số 243/13/27/6, khu phố 4, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th là ông Nguyễn Hoàng M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Ông M là chủ sử dụng phần đất diện tích 590,3m², tại khu phố 11, phường PC, thành phố TDM, Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số M718815, số vào sổ 54/DS QSDĐ/PC) do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND), thị xã (nay là thành phố) TDM cấp ngày 30/06/1998. Năm 2007, vợ chồng ông M đăng ký, được UBND cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với hai căn nhà cấp 4 trên đất với địa chỉ số nhà là 262 đường CMT8, khu phố 11, phường PC, TDM, Bình Dương. Gia đình ông M quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất tại đây một cách ổn định hơn 30 năm qua.

Phần đất phía trước nhà có bề ngang giáp đường CMT8 2,6m x chiều dài 23,3m là sân trước thuộc đất do gia đình ông M quản lý, sử dụng hợp pháp theo GCNQSDĐ nêu trên. Trên GCNQSDĐ cùng các tài liệu kèm theo giấy phép xây dựng được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp năm 2002 ghi rõ: phía Bắc giáp hẻm nhỏ (phía trong) và giáp đất của ông Võ Văn X1 (phía ngoài giáp đường CMT8, không phải là lối đi chung hay hẻm do Nhà nước đầu tư xây dựng. Các hộ dân sinh sống bên cạnh khu đất của ông M (các bị đơn) có đi nhờ trên phần sân trước của ông M, mặc dù họ có lối đi khác thông ra đường CMT8, rất thuận tiện cho việc đi lại. Vì tình làng nghĩa xóm nên gia đình ông M cũng tạo điều kiện cho họ nên chưa rào chắn lại. Tuy nhiên, thời gian gần đây các hộ dân này tranh chấp với gia đình ông M, họ cho rằng phần đất này là lối đi chung nên họ ngăn cản việc ông M xây dựng hàng rào là xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của ông M theo giấy chứng nhận do Nhà nước đã cấp. Tranh chấp này đã được Ban hòa giải UBND phường PC tổ chức hòa giải vào ngày 20/8/2020 nhưng không thành.

Phần diện tích 57,9m^2 trước đây không phải là con đường đi mà nó có nguồn gốc đất của ông M là do ông nội để lại ba ông M, ba ông M để lại cho ông M.

Hiện nay 07 hộ dân trên có con đường đi khác ra đường CMT8, các hộ dân trên đi trên con đường này là do ông M cho đi nhờ, gia đình ông M bán hoa trên phần đất này thì các hộ dân không cho và chửi gia đình ông M.

Nay, ông M khởi kiện yêu cầu như sau: ông M khởi kiện các bị đơn bà X, ông Nh, ông Kh, ông Tr, bà T4, ông L, bà Th yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi trái pháp luật không đi trên đất của ông M, để ông M rào lại đất.

Tại đơn xin rút một phần đơn khởi kiện, ông M rút yêu cầu khởi kiện công nhận diện tích đất 57,9m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông M theo GCNQSDĐ của ông M số 54/DSQSDĐ/PC ngày 30/6/1998 trong tổng diện tích 590,3m^3, vì phần đất này nằm trong GCNQSDĐ của ông M, ông M chỉ yêu cầu

các bị đơn phải chấm dứt hành vi sử dụng phần đất của ông M, không yêu cầu định giá đất tranh chấp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Các hộ dân ở phía sau nhà ông M là bà X, ông Nh, ông Kh, Trọng, bà T4, ông L, bà Th, đi trên con đường hẻm và phần đất tranh chấp từ khi sinh ra cho đến nay, con đường đi này có từ trước giải phóng. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì các bị đơn không biết. Con đường này thành đường hẻm 258 nên nó là lối đi chung, đất tranh chấp không phải là đất của ông M. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X có mối quan hệ bà con với ông M, ba của ông M là chú của bà X. Bà X ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi bà sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ bà X đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các bị đơn có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa. Hiện nay bà X, con bà X là ông Trần Văn T2 và cháu ngoại Trần Anh H đang ở trên đất của bà X. Bà X được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số 01664QSDĐ ngày 15/11/2004 diện tích 38,5m^2, tờ bản đồ số 6, thửa số 21. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì bà X không biết. Bà không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh trình bày:

Ông Kh có mối quan hệ bà con với ông M, trước đây đất của ông M và các bị đơn có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Sửu (chết năm 1958). Ông Kh ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi ông Kh được sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ ông Kh đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các bị đơn có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa. Hiện tại đang ở trên đất của ông Kh là bà Võ Thị Sàn (vợ ông Kh), ông Nguyễn Thanh T3, bà Trần Thị Hồng Đ (con ông Kh). Phần diện tích khoảng 60,58m^2 ông M cho rằng đất của ông thì sao Nhà nước đổ bê tông làm đường đi và làm cống thoát nước cho từng hộ dân. Dây điện và cáp truyền hình cũng đi trên con đường này dẫn ra phía sau đất của các hộ dân. Ông không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bày:

Ông Nh có mối quan hệ bà con với ông M, ông Nh gọi ông M là cậu. Ông Nh ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi ông Nh sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ ông Nh đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các hộ dân có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì ông Nh không biết. Hiện đang ở trên đất của ông là bà Trần Thị Thúy Ng (vợ ông Nh) và Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Minh Tr1, Nguyễn Trần Tr2 (con ông Nh). Ông Nh không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Vương Văn Tr trình bày:

Ông Tr có mối quan hệ bà con với ông M, ông Tr gọi ông M là cậu. Ông Tr ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi ông Tr sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ ông Tr đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các hộ dân có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa, Nhà nước làm con đường này cho các hộ dân khác đi. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì ông Tr không biết. Hiện đang ở trên đất của ông là bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1968, ông Vương Quang L1, sinh năm 1987, ông Vương Quang L2, sinh năm 1989, con Vương Thị Ngọc D, sinh năm 2003. Ông không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà T4 có mối quan hệ bà con với ông M, bà T4 gọi ông M là cậu. Bà T4 ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi bà T4 sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ bà T4 đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các hộ dân có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa, Nhà nước làm con đường này cho các hộ dân khác đi. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì bà T4 không biết. Hiện đang ở trên đất của bà T4 là bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Quốc T5, bà Trần Thị Thu T6. Bà T4 không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Vương Văn L trình bày:

Ông L có mối quan hệ bà con với ông M, ông L gọi ông M là cậu. Ông L ở phía sau nhà ông M từ khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi Ông L sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ ông L đi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các hộ dân có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa, Nhà nước làm con đường này cho các hộ dân khác đi. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì ông L không biết. Hiện đang ở trên đất của ông là Vương Trường Th1, Vương Trường N. Ông L không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Bà Thcó mối quan hệ bà con với ông M, bà Thgọi ông M là ông. Bà Thở phía sau nhà ông M từ năm khi sinh ra cho đến nay. Con đường đi này có từ trước khi bà Th sinh ra, từ lúc sinh ra đến giờ bà Thđi trên đường này. Ngoài con đường đi trên đất phía trước nhà ông M thì các hộ dân có con đường đi khác do Nhà nước làm từ năm 2010, con đường này đi rất xa, Nhà nước làm con đường này cho các hộ dân khác đi. Khi ông M đi đăng ký kê khai đất của ông M thì bà Th không biết. Hiện của bà Th đang ở một mình trên đất. Bà Th không đồng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh Tuấn, anh Trần Anh H trình bày:

Thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị X, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S, ông Nguyễn Thanh T3, bà Trần Thị Hồng Đ trình bày:

Thống nhất trình bày của ông Nguyễn Đăng Kh, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Minh Tr1, ông Nguyễn Trần Tr2 trình bày:

Thống nhất trình bày của ông Nguyễn Văn Nh, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Quốc T5, bà Trần Thị Thu T6 trình bày:

Thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị T1, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vương Trường Th1, ông Vương Trường N trình bày:

Thống nhất trình bày của ông Vương Văn L, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Vương Quang L2, bà Vương Thị Ngọc D trình bày:

Thống nhất trình bày của ông Vương Văn Tr, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn X1, ông Võ Huy C trình bày:

Phần đất của ông Võ Văn X1 được chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Thời vào năm 2003 đến nay tặng cho con là ông Võ Huy C, năm 2003, ông Cường xây dựng nhà trên thửa đất 224, tờ bản đồ số 06. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị giải quyết theo pháp luật, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị TN, ông Tất Th, ông Nguyễn Công T6 trình bày:

Con đường tranh chấp hình thành trên 50 năm, ông bà biết các hộ dân bà Niệm, ông Tân, bà Điện, bà Phép, bà Gái, bà Đường, bà Phụng, bà Vô, bà Kim, ông Xi, bà Thlà những người làm chứng con đường hẻm 258 đi ra đất tranh chấp hình thành từ trên 50 năm, các hộ dân này hiện tại cũng không đi trên đất tranh chấp mà chỉ là những hộ dân ở gần xung quanh; các hộ dân ở sau hẻm 258 có đường hẻm khác là đường hẻm 244 để đi ra đường CMT8; hẻm 244 là con đường các hộ dân tự bỏ đất ra để làm đường, hẻm 258 là con đường của Nhà nước được hình thành trên 50 năm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

- Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai 2013; Điều 6, Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th chấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản ông M sử dụng diện tích 57,9m^2 trong diện tích 590,3m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 54/DSQSDĐ/PC ngày 30/6/1998, tọa lạc tại phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 24/6/2022, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th là ông Nguyễn Hoàng M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật là chưa đầy đủ, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật; thông báo thụ lý bổ sung chỉ đưa ông X tham gia tố tụng là không đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; không có quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân (bút lục số 166, 166a); thành phần tham gia tố tụng không đúng tại quyết định đưa vụ án ra xét xử Kiểm sát viên là Lê Thị Thủy, nhưng quyết định phân công Kiểm sát viên là Lê Thị Hoài (bút lục số 166, 204); biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ thể hiện có tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Th nhưng không xử lý tài sản (bút lục số 150 – 151); việc đánh bút lục không đúng quy định còn chèn số. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hoàng M vắng mặt, tuy nhiên các bị đơn bà X, ông Nh, ông Tr, bà T4 có mặt tại phiên tòa yêu cầu tiếp tục tiến hành phiên tòa; bị đơn ông Kh, ông L, bà Thcó yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh Tuấn, anh Trần Anh H, bà Võ Thị S, ông Nguyễn Thanh T3, bà Trần Thị Hồng Đ, bà Trần Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Minh Tr1, ông Nguyễn Trần Tr2, bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Quốc T5, bà Trần Thị Thu T6, ông Vương Trường Th1, ông Vương Trường N, bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Vương Quang L2, bà Vương Thị Ngọc D, ông Võ Văn X1, ông Võ Huy C có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 02/10/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất khoảng 60,58m^2 thuộc quyền sử dụng của ông M, yêu cầu các bị đơn chấm dứt việc sử dụng phần đất này để đi lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật là chưa đầy đủ, quan hệ pháp luật phải là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật.

Ngày 13/5/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 389/TB-TLVA, nhưng hồ sơ không có văn bản giấy tờ thể hiện đã tống đạt thông báo này cho đương sự.

Hồ sơ vụ án chưa thể hiện Tòa án đã giải thích quyền trợ giúp pháp lý cho các đương sự.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa Thư ký báo cáo tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Thu H2 chưa có bản tự khai hoặc biên bản lấy lời khai, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng Tòa án không tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho họ.

Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ghi đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2022/QĐXXST-

DS ngày 19/4/2022 là chưa đúng, vì quyết định xét xử là đưa vụ án yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật giữa ông M và các bị đơn ra xét xử (bút lục số 176).

Bản án sơ thẩm tại phần nội dung vụ án không ghi trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là không đúng quy định của Nghị quyết số 01/2017/HĐTP-TANDTC ngày 06/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân số 172/2022/QĐ-TA ngày 19/4/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2022/QĐXXST-DS ngày 19/4/2022 thì Hội thẩm nhân dân được phân công xét xử vụ án là bà Nguyễn Thị Hồng Thanh, ông Đặng Minh Lý và Kiểm sát viên là bà Lê Thị Thủy (bút lục số 166, 166a). Tuy nhiên, biên bản nghị án, bản án gốc, bản án phát hành thì Hội thẩm nhân dân lại là ông Đỗ Xuân Hưng, ông Nguyễn Minh Trí (bút lục số 177 – 180, 181 – 192, 192 – 196a, 197 - 202) và quyết định phân công Kiểm sát viên là bà Lê Thị Hoài (bút lục số 204) nhưng không có quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng là chưa đúng quy định.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm và biên bản xác minh ngày 14/3/2023 của Tòa án cấp phúc thẩm thì trên lối đi tranh chấp có các tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Th xây dựng gồm: 05 ô văng kích thước: 2,9m x 0,6m; 0,35m x 1,92m; 07m x 0,35m; 02m x 0,35m; 2,6m x 0,35m; 01 mái che khung bằng sắt; 01 phần bảng quảng cáo kích thước 4,5m x 1,2m; 01 camera; 01 mái che bằng tole kích thước 1,6m x 0,5m; 01 hệ thống đường dây điện của các bị đơn sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà X, ông Nh, ông Kh, ông Tr, bà T4, ông L, bà Thchấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản ông M sử dụng diện tích 57,9m^2, nhưng chưa xem xét giải quyết đến các tài sản nêu trên, dẫn đến bản án không thể thi hành được.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn nộp (do là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th là ông Nguyễn Hoàng M.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Vương Văn Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh Th được miễn nộp án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- TAND thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng